

Số: 1101 /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 05 tháng 10 năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 621/TTr-TNMT ngày 03/10/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH dịch vụ y tế Xuân Mai, địa chỉ trụ sở chính tại số 145/đường Trần Hưng Đạo, thị trấn Đồi Ngô, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Xây dựng Bệnh viện y học cổ truyền và phục hồi chức năng Xuân Mai” tại thị trấn Đồi Ngô, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang, với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư

1.1. Tên dự án đầu tư: Xây dựng Bệnh viện y học cổ truyền và phục hồi chức năng Xuân Mai.

1.2. Chủ dự án đầu tư: Công ty TNHH dịch vụ y tế Xuân Mai

1.3. Địa điểm hoạt động: Thị trấn Đồi Ngô, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang

1.4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mã số doanh nghiệp: 2400823523 do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp, đăng ký lần đầu ngày 10/10/2017, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 12/02/2018.

- Quyết định chủ trương đầu tư số 217/QĐ-UBND ngày 10/4/2019 do UBND tỉnh Bắc Giang chấp thuận.

- Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư số 270/QĐ-UBND ngày 25/3/2021 do UBND tỉnh chấp thuận điều chỉnh.

- Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư số 268/QĐ-UBND ngày 21/3/2023 do UBND tỉnh Bắc Giang cấp, cấp lần đầu ngày 10/4/2019, điều chỉnh lần thứ 02 ngày 21/3/2023.

1.5. Mã số thuế: 2400823523.

1.6. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Khám chữa bệnh

1.7. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư

- Phạm vi: Dự án được thực hiện tại Thị trấn Đồi Ngô, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang với tổng diện tích: 5.037,8m².

- Quy mô, công suất của dự án:

+ Dự án có tiêu chí như dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công); không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.

+ Quy mô dự án: 50 giường bệnh với tổng số lượt khám 500 lượt/ngày.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải vào hệ thống thoát nước thải chung của khu vực và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Tờ trình này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Tờ trình này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Tờ trình này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Tờ trình này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH dịch vụ y tế Xuân Mai được cấp Giấy phép môi trường.

1. Công ty TNHH dịch vụ y tế Xuân Mai có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH dịch vụ y tế Xuân Mai có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục

theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Lục Nam nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện, nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo bằng văn bản với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Lục Nam.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 (mười) năm, kể từ ngày Giấy phép có hiệu lực thi hành.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND huyện Lục Nam, cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án “Xây dựng bệnh viện y học cổ truyền và phục hồi chức năng Xuân Mai” tại thị trấn Đồi Ngô, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang của Công ty TNHH dịch vụ y tế Xuân Mai được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Sở Tài nguyên và Môi trường, Hội đồng thẩm định cấp Giấy phép môi trường được thành lập theo Quyết định số 869/QĐ-TNMT ngày 31/8/2023 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường: Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, số liệu trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường; về kết quả thẩm định hồ sơ, tham mưu trình UBND tỉnh cấp Giấy phép môi trường cho Công ty TNHH dịch vụ y tế Xuân Mai được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án đối với các nội dung, yêu cầu tại khoản 2 Điều 1 Giấy phép này đã đảm bảo theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật khác có liên quan.

Điều 5. Giấy phép này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Lục Nam, UBND thị trấn Đồi Ngô, Công ty TNHH dịch vụ y tế Xuân Mai và tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Giấy phép này thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CCBVMT thuộc Sở TN&MT (lưu h/s);
- Công ty TNHH dịch vụ y tế Xuân Mai (trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công);
- Văn phòng UBND tỉnh;
- + LĐVP (CVP, PCVP-PT), TH, KTN;
- + Công thông tin điện tử tỉnh;
- + Trung tâm Phục vụ hành chính công;
- Lưu: VT, KTN. Việt Anh

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Ô Pích

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /10/2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải: 03 nguồn

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ quá trình sinh hoạt của cán bộ công nhân viên, bệnh nhân tại các khu nhà vệ sinh trong bệnh viện.
- Nguồn số 2: Nước thải y tế (phòng khám, xét nghiệm, lấy mẫu, phẫu thuật) từ hoạt động khám chữa bệnh của bệnh viện.
- Nguồn số 3: Nước thải từ các hoạt động khác (nhà giặt là, khu sơ chế thuốc Đông Y).

2. Dòng nước thải xả vào nguồn tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải: 01 dòng nước thải

- Theo quy hoạch: Nước thải sau xử lý qua hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 36m³/ngày đêm của dự án đạt QCVN 28:2010/BTNMT, cột B được xả thải ra hệ thống thoát nước thải chung của khu đô thị số 2, thị trấn Đồi Ngô, huyện Lục Nam.

- Trong thời gian chờ đầu nối theo quy hoạch: Nước thải sau xử lý qua hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 36m³/ngày đêm của dự án đạt QCVN 28:2010/BTNMT, cột B được xả thải vào kênh Yên Lại tại vị trí K20+455, huyện Lục Nam.

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải:

- Theo quy hoạch: Hệ thống thoát nước thải chung của khu đô thị số 2, thị trấn Đồi Ngô, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

- Trong thời gian chờ đầu nối theo quy hoạch: Tuyến kênh Yên Lại tại vị trí K20+455, huyện Lục Nam.

2.2 Vị trí xả nước thải:

- Theo quy hoạch:

+ Tại hố ga khu vực phía Đông Nam dự án thuộc hệ thống thoát nước chung của khu đô thị số 2, thị trấn Đồi Ngô, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

+ Tọa độ vị trí xả nước thải: X= 2355428,40; Y= 43650,26 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 107⁰, múi chiếu 3⁰).

- Trong thời gian đầu nối theo quy hoạch:

+ Tại hố ga phía Tây dự án, điểm đầu nối với tuyến kênh Yên Lại.

+ Tọa độ vị trí xả nước thải: X= 2355406,75; Y= 436608,89 (theo hệ tọa độ

VN2000, kinh tuyến trực 107⁰, mũi chiếu 3⁰).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 36m³/ngày đêm; tương đương 1,46 m³/giờ (tính theo 24 giờ);

2.3.1. Phương thức xả thải:

- Theo quy hoạch: Nước thải sau xử lý đạt QCVN 28:2010/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế được xả vào hệ thống thoát nước thải chung của khu đô thị số 2, thị trấn Đồi Ngô, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang bằng đường ống PVC D200 với phương thức xả nước thải tự chảy.

- Trong thời gian đầu nối theo quy hoạch: Nước thải sau xử lý đạt QCVN 28:2010/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế được xả vào tuyến kênh Yên Lại bằng đường ống PVC D200 với phương thức xả nước thải tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Xả nước thải liên tục (24/24 giờ);

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước thải chung của khu đô thị số 2, thị trấn Đồi Ngô, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang (theo quy hoạch) hoặc tuyến kênh Yên Lại (trong thời gian đầu nối theo quy hoạch) phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 28:2010/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế, cụ thể như sau:

TT	Thông số phân tích	Đơn vị	QCVN 28: 2010/BTNMT cột B	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	-	6,5 – 8,5	Dự án không thuộc đối tượng quan trắc nước thải định kỳ theo khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ
2	TSS	mg/l	100	
3	COD	mg/l	100	
4	BOD ₅	mg/l	50	
5	Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N)	mg/l	10	
6	Nitrat (NO ₃ ⁻)	mg/l	50	
7	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	10	
8	Sunfua (S ²⁻) (tính the H ₂ S)	mg/l	4	
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	20	
10	Tổng Coliforms	MPN/ 100ml	5.000	
11	Salmonella	Vi khuẩn /100ml	KPH	
12	Shigella	Vi khuẩn /100ml	KPH	
13	Tổng hoạt động phóng xạ	Bq/L	0,1	

TT	Thông số phân tích	Đơn vị	QCVN 28: 2010/BTNMT cột B	Tần suất quan trắc định kỳ
	α			
14	Tổng hoạt động phóng xạ β	Bq/L	1,0	
15	Vibrio cholerae	Vi khuẩn /100ml	KPH	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải.

Hệ thống thoát nước thải là hệ thống thoát nước riêng độc lập hoàn toàn với hệ thống thoát nước mưa.

- Nước thải nhà vệ sinh tại các tầng khu nhà khám chữa bệnh A được thu gom qua hệ thống ống nhánh vào hệ thống đứng D200 dài 5,1m rồi chảy vào bể tự hoại số 1 với thể tích 15m³ để xử lý sơ bộ, sau đó qua đường ống PVC D200 dài 64m về bể gom của hệ thống xử lý nước thải tập trung của bệnh viện để xử lý.

- Nước thải nhà vệ sinh tại các tầng khu nhà điều trị B được thu gom qua hệ thống ống nhánh vào hệ thống đứng D200 dài 4,5m rồi chảy vào bể tự hoại số 3 với thể tích 15m³ để xử lý sơ bộ, sau đó qua đường ống PVC D200 dài 18m về bể gom của hệ thống xử lý nước thải tập trung của bệnh viện để xử lý.

- Nước thải nhà vệ sinh tại khu sảnh tiếp đón được thu gom qua hệ thống ống nhánh vào vào hệ thống đứng D200 dài 4,5m rồi chảy vào bể tự hoại số 2 với thể tích 10m³ để xử lý sơ bộ, sau đó qua đường ống PVC D200 dài 30m về bể gom của hệ thống xử lý nước thải tập trung của bệnh viện để xử lý.

- Nước thải giặt: Được thu gom qua đường ống đứng PVC D90 sau đó theo đường ống PVC D200 dài 64m về hệ thống xử lý nước thải tập trung của bệnh viện để xử lý.

- Nước thải y tế: Nước thải y tế từ các tầng của bệnh viện được thu gom bằng đường ống nhánh PVC D90 sau đó theo đường ống PVC D200 dài 64m về hệ thống xử lý nước thải tập trung của bệnh viện để xử lý.

- Nước thải từ hoạt động sơ chế, sắc thuốc Đông Y được thu qua đường ống đứng PVC D90 sau đó theo đường ống PVC D200 dài 64m về bể gom của hệ thống xử lý nước thải tập trung của bệnh viện để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ của hệ thống xử lý nước thải tập trung:

+ Theo quy hoạch: Nước thải sau xử lý sơ bộ → bể gom → Bể điều hòa → bể

thiếu khí → bể hiếu khí 1 → bể hiếu khí 2 → bể lắng → bể khử trùng → bể nước sạch → Hệ thống thoát nước chung của khu đô thị số 2, thị trấn Đồi Ngô, huyện Lục Nam (nước thải sau xử lý đảm bảo đạt QCVN 28:2010/BTNMT, cột B).

+ Trong thời gian chờ đầu nối theo quy hoạch: Nước thải sau xử lý sơ bộ → bể gom → Bể điều hòa → bể thiếu khí → bể hiếu khí 1 → bể hiếu khí 2 → bể lắng → bể khử trùng → bể nước sạch → Kênh Yên Lại (nước thải sau xử lý đảm bảo đạt QCVN 28:2010/BTNMT, cột B).

- Công suất thiết kế: 36 m³/ngày đêm.
- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Clo khô 10 kg/tháng.
- Methanol: 15kg/tháng.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải

1.4.1. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa sự cố hệ thống xử lý nước thải

- Có tài liệu hướng dẫn về quy trình vận hành của toàn bộ hệ thống xử lý nước thải và từng công trình đơn vị.

- Kiểm tra thường xuyên việc vận hành hệ thống xử lý nước thải để tránh tình trạng vi phạm quy tắc quản lý.

- Công nhân có kinh nghiệm trong vận hành hệ thống xử lý nước thải và có khả năng khắc phục các sự cố khi xảy ra; Thường xuyên đi đào tạo quy trình bảo dưỡng, vận hành khi sự cố. Chương trình đào tạo cán bộ quản lý vận hành.

- Vận hành hệ thống đúng quy trình;

- Định kỳ bảo dưỡng các dây chuyền xử lý và dự trữ sẵn sàng các thiết bị thay thế cho các dây chuyền xử lý để nhanh chóng khắc phục khi gặp sự cố.

- Trong quá trình vận hành: Nắm vững về công nghệ; theo dõi, phân tích định kỳ, quan sát tính biến động của nước thải, các yếu tố bất thường; ghi chép, lưu giữ thông tin chính xác, dễ truy tìm đủ các tài liệu để tra cứu.

1.4.2. Biện pháp, công trình, thiết bị ứng phó sự cố công trình xử lý nước thải

- Khi sự cố của hệ thống xử lý nước thải xảy ra như: 01 trong các bể bị sự cố phải ngưng hoạt động; nứt vỡ đường ống thoát nước thải hay mất điện... sẽ ứng phó kịp thời như sau:

+ Khi một trong các bể gặp sự cố phải ngưng hoạt động của hệ thống xử lý nước thải; cán bộ, công nhân vận hành phụ trách công tác kiểm tra mạng lưới cấp, thoát nước của toàn công trình, đặc biệt lưu ý đến mạng lưới thoát nước thải vì nó ảnh hưởng trực tiếp đến công trình hệ thống xử lý nước thải.

+ Hệ thống cấp khí gặp sự cố: Việc cấp khí cho hệ thống được thực hiện bởi 02 máy thổi khí (làm việc luân phiên), khi một máy cấp khí gặp sự cố phải ngừng hoạt động thì còn lại sẽ lại việc bình thường trong thời gian máy kia đưa đi sửa chữa.

Hệ thống đường ống dẫn khí được cung cấp cho các hạng mục bể điều hòa, bể xử lý sinh học, lượng khí sử dụng cho các hạng mục đều được khống chế bởi các van, trong trường hợp một trong các hạng mục gặp sự cố về đường cấp khí cần phải sửa chữa thì có thể khóa van trong khi các hạng mục khác vẫn hoạt động bình thường.

- Sự cố với máy bơm: Kiểm tra máy bơm xem nước có được đẩy lên hay không. Khi máy bơm hoạt động nhưng không lên nước, kiểm tra lần lượt như sau:

+ Nguồn điện cung cấp năng lượng có ổn định không.

+ Cánh bơm có bị chèn vào chướng ngại vật nào không.

+ Trong lúc bơm có âm thanh lạ cũng cần ngừng bơm ngay lập tức và tìm ra nguyên nhân để khắc phục sự cố. Tùy theo từng trường hợp cụ thể mà đưa ra phương án sửa chữa máy bơm kịp thời. Trang bị 2 máy bơm, vừa để sử dụng dự phòng trong trường hợp máy bơm chính gặp sự cố, vừa để bơm kết hợp với máy bơm chính trong trường hợp cần bơm với lưu lượng lớn hơn.

- Các sự cố về sinh khối:

+ Sinh khối nổi lên mặt nước: Kiểm tra tải lượng hữu cơ, các chất ức chế

+ Sinh khối phát triển tản mạn: Thay đổi tải lượng hữu cơ, DO. Kiểm tra các chất độc để áp dụng biện pháp tiên xử lý hoặc giảm tải hữu cơ.

+ Sinh khối tạo thành hỗn hợp đặc: Tăng tải trọng, oxy, ổn định pH thích hợp, bổ sung chất dinh dưỡng.

- Tiến hành xử lý nhanh chóng sự cố xảy ra để kịp thời đưa hệ thống vào vận hành trở lại.

- Trường hợp mạng lưới điện trong khu vực bị mất cho vận hành ngay máy phát điện dự phòng để kịp thời đưa hệ thống vào vận hành trở lại.

- Trường hợp thời gian sửa chữa kéo dài vượt quá khả năng lưu chứa tại các bể của hệ thống, bệnh viện sẽ thuê đơn vị có chức năng đến hút nước thải của bể và mang đi xử lý.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Dự kiến từ ngày 01/01/2025 đến ngày 01/03/2025.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: 01 hệ thống xử lý nước thải tập trung với công suất 36 m³/ngày đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Tại vị trí trước và sau xử lý của hệ thống xử lý nước thải tập trung với công suất 36 m³/ngày đêm.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế (QCVN 28:2010/ BTNMT, cột B) (Chi tiết theo nội dung được cấp phép tại phần A Phụ lục này).

2.3. Tần suất lấy mẫu: Giai đoạn vận hành ổn định

TT	Vị trí giám sát	Thông số giám sát	Tần suất lấy mẫu	Quy chuẩn so sánh
1	01 vị trí nước thải đầu vào (tại bể gom của hệ thống xử lý nước thải)	pH, BOD ₅ , COD, Tổng Chất rắn lơ lửng, Sunfua (Tính theo H ₂ S), Amoni (tính theo N), Nitrat (tính theo N), Phosphat (tính theo P), Dầu mỡ động thực vật, Tổng Coliform, Salmonella, Shigella, Vibrio Cholerae.	Thực hiện lấy mẫu đơn 01 lần. Thời gian lấy mẫu ngày 09/02/2025.	QCVN 28:2010/BTNMT (Cột B)
2	01 vị trí tại hố ga sau xử lý của hệ thống xử lý nước thải		Tần suất quan trắc nước thải là 01 ngày/lần, thực hiện lấy mẫu trong 3 ngày liên tiếp. Thời gian dự kiến như sau: - Lần 1: 09/02/2025 - Lần 2: 10/02/2025 - Lần 3: 11/02/2025	

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại phần A Phụ lục này trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước thải chung của khu đô thị số 2, thị trấn Đồi Ngô, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang (*theo quy hoạch*); Kênh Yên Lại (*trong thời gian chờ đầu nối*). Không được phép lấp đặt đường ống khác để xả nước thải chưa xử lý ra môi trường.

3.2 Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo cơ quan cấp giấy phép xem xét, giải quyết.

- Việc vận hành hệ thống xử lý nước thải phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung: lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh. Nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ theo quy định.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với hệ thống xử lý nước thải, Chủ dự án phải báo cáo bằng văn bản đến UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Lục Nam để kịp thời xử lý.

Phụ lục 2
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /10/2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung: 02 nguồn

- Nguồn số 01: Phát sinh từ máy phát điện
- Nguồn số 02: Phát sinh từ máy thổi khí của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung: 02 vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 107^0 , múi chiếu 3^0 .

- Vị trí số 01: Phát sinh từ máy phát điện. Tọa độ X = 23554423,55; Y = 436602.

- Vị trí số 02: Phát sinh từ máy thổi khí của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

Tọa độ X = 23554429,72; Y = 436603.

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và quy chuẩn hiện hành (QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc; QCVN 27:2016/BYT - Quy định Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về rung - Giá trị cho phép tại nơi làm việc), cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Ghi chú
1	85	85	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ	
1	1,4m/s ² (103dB)	1,4m/s ² (103dB)	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Tổ chức tiếp nhận bệnh nhân theo tuyến, tránh chồng chéo quá tải gây mất trật tự khám chữa bệnh.

- Hạn chế việc tập trung đông người nhà bệnh nhân trong khu vực khám chữa

bệnh. Có quy định chế độ giờ giấc thăm bệnh nhân.

- Quy định các phương tiện ra vào bệnh viện phải tắt máy (trừ các phương tiện cấp cứu).

- Đối với máy phát điện:

+ Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng. Chỉ sử dụng máy phát điện dự phòng trong trường hợp mất điện lưới.

+ Đặt cách xa khu vực phòng bệnh nhân và nơi đông người qua lại.

+ Đặt cố định, chắc chắn để chống rung, lắp đặt thiết bị giảm thành, chống ồn.

- Đối với máy thổi khí của hệ thống xử lý nước thải được xây riêng biệt; được bảo dưỡng thường xuyên; đặt cố định, chắc chắn để chống rung, lắp đặt thiết bị giảm thành, đặt thiết bị trong phòng cách âm, chống ồn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

Phụ lục 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CÓ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /10/2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (Kg/năm)
I	Chất thải nguy hại lây nhiễm		
1	Chất thải lây nhiễm sắc nhọn	Rắn	10
2	Chất thải lây nhiễm không sắc nhọn	Rắn	50
3	Chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao	Rắn	20
Tổng khối lượng chất thải lây nhiễm phát sinh			80
II	Chất thải nguy hại không lây nhiễm		
4	Chất hàn răng amalgam thải	Rắn	1
5	Bao bì cứng thải bằng nhựa nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	10
6	Găng tay, giẻ lau nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	10
7	Bao bì kim loại cứng dính CTNH	Rắn	10
8	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	2
9	Pin, ắc quy chì thải	Rắn	1
Tổng khối lượng chất thải nguy hại không lây nhiễm			34

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn y tế thông thường phát sinh:

Khối lượng chất thải rắn y tế thông thường phát sinh khoảng 39kg/tháng. Thành phần gồm: vỏ lọ đựng thuốc, bông băng gạc, chai huyết tương,....

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

Khối lượng chất thải sinh hoạt phát sinh khoảng 101,6 kg/ngày, tương đương với khoảng 3.048 kg/tháng. Thành phần gồm: chất thải thực phẩm, thức ăn thừa, bao bì nilon, hộp nhựa,...

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt,

chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải lây nhiễm

2.1.1.1. Thiết bị lưu chứa:

- Bố trí các thùng chứa bằng nhựa màu vàng có nắp đậy, lót túi nilon vàng có dung tích từng loại 5 lít/thùng, 20 lít/thùng, 120 lít/thùng, với số lượng như sau:

- Hộp kháng thủng dung tích 5 lít/thùng: khoảng 20 hộp, đặt tại các phòng tiêm, phòng khám chữa bệnh.

- Thùng chứa dung tích 20 lít/thùng: khoảng 40 thùng, đặt tại các phòng hành chính, phòng khám chữa bệnh.

- Thùng chứa dung tích 120 lít/thùng: khoảng 04 thùng, đặt tại kho chứa chất thải nguy hại nằm cạnh trạm xử lý nước thải của dự án.

2.1.1.2. Khu vực lưu chứa:

- Diện tích kho: 5m² (*Tổng diện tích kho chất thải nguy hại là 9m² được ngăn làm 02 kho lưu chứa chất thải lây nhiễm và chất thải không lây nhiễm*), đặt cạnh trạm xử lý nước thải của dự án.

- Thiết kế, cấu tạo của kho: nền xi măng, bao quanh xây dựng tường bao, có lắp đặt biển cảnh báo bên ngoài, có mái che, có cửa ra vào.

- Hàng ngày tổ vệ sinh của bệnh viện thực hiện thu gom 02 lần/ngày tại các phòng, hàng lang các khoa rồi vận chuyển xuống khu vực lưu chứa chất thải nguy hại cạnh trạm xử lý nước thải của dự án.

- Chủ dự án ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định của pháp luật. Tần suất 01 ngày/lần hoặc khi kho chứa đầy.

2.1.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại không chứa thành phần lây nhiễm

2.1.2.1. Thiết bị lưu chứa

Bố trí các thùng chứa bằng nhựa màu đen có nắp đậy, lót túi nilon đen có dung tích từng loại 20 lít/thùng, 120 lít/thùng, với số lượng như sau:

- Thùng chứa dung tích 20 lít/thùng: khoảng 7 thùng, đặt tại các phòng hành chính, phòng khám chữa bệnh.

- Thùng chứa dung tích 120 lít/thùng: khoảng 04 thùng, đặt tại kho chứa chất thải nguy hại.

2.1.2.2. Khu vực lưu chứa:

- Diện tích kho: 4m² (*Tổng diện tích kho chất thải nguy hại là 9m² được ngăn làm 02 kho lưu chứa chất thải lây nhiễm và chất thải không lây nhiễm*), đặt cạnh trạm xử lý nước thải của dự án.

- Thiết kế, cấu tạo của kho: nền xi măng, bao quanh xây dựng tường bao, có lắp đặt biển cảnh báo bên ngoài, có mái che, có cửa ra vào.

- Hàng ngày tổ vệ sinh của bệnh viện thực hiện thu gom 02 lần/ngày tại các phòng, hành lang các khoa rồi vận chuyển xuống khu vực lưu chứa chất thải nguy hại cạnh trạm xử lý nước thải của dự án.

- Chủ dự án ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định của pháp luật. Tần suất 06 tháng/lần hoặc khi kho chứa đầy.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải y tế thông thường

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

Các thùng chứa bằng nhựa màu xanh và trắng có nắp đậy, lót túi nilon có dung tích 20 lít/thùng, 120 lít/thùng, với số lượng như sau:

- Tại các phòng hành chính, phòng khám chữa bệnh, hành lang đặt khoảng 20 thùng màu trắng với dung tích 20 lít/thùng.

- Thùng chứa dung tích 120 lít/thùng: 02 thùng màu trắng, đặt tại kho chứa cạnh cổng phụ của dự án.

2.2.2. Khu vực lưu chứa:

- Chủ dự án bố trí kho chứa chất thải diện tích 9m² đặt cạnh cổng phụ của dự án.

- Thiết kế, cấu tạo của kho: nền xi măng, bao quanh khu vực lưu chứa xây dựng tường bao có mái che, có biển cảnh báo, có cửa kín.

- Hàng ngày tổ vệ sinh của dự án thực hiện thu gom 01 lần/ngày tại các phòng, hành lang các khoa rồi vận chuyển xuống khu vực lưu chứa chất thải đặt cạnh cổng phụ của dự án.

- Chủ dự án ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định của pháp luật. Tần số vận chuyển: 01 ngày/lần.

- Bùn thải từ bể phốt, từ hệ thống xử lý nước thải được chủ cơ sở thuê đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý, tần suất 06 tháng/lần.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải sinh hoạt

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

Bố trí các thùng chứa bằng nhựa màu xanh có nắp đậy, lót túi nilon có dung tích từng loại 20 lít/thùng, 120 lít/thùng, với số lượng như sau:

- Thùng chứa dung tích 20 lít/thùng: khoảng 50 thùng màu xanh đặt tại các phòng hành chính, phòng khám chữa bệnh, hành lang.

- Thùng chứa dung tích 120 lít/thùng: khoảng 03 thùng màu xanh, đặt tại kho chứa chất thải rắn thông thường.

2.3.2. Khu vực lưu chứa:

- Chủ dự án bố trí kho chứa chất thải rắn sinh hoạt cùng với kho chứa chất thải y tế thông thường với diện tích 9m².

- Hàng ngày tổ vệ sinh của bệnh viện thực hiện thu gom 01 lần/ngày tại các phòng, hành lang các khoa rồi vận chuyển xuống khu vực lưu chứa chất thải rắn thông thường đặt cạnh cổng phụ của dự án.

- Chủ dự án ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, xử lý theo đúng quy định của pháp luật. Tần suất vận chuyên đi xử lý: 01 ngày/lần.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải. Có kế hoạch xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải. Trong trường hợp xảy ra sự cố, nhanh chóng dừng hoạt động sản xuất, có các biện pháp khắc phục sự cố cho hệ thống xử lý nước thải. Chỉ được tiếp tục hoạt động nhà máy khi xử lý khắc phục hoàn toàn sự cố.

Phụ lục 4**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /10/2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)*

Công ty TNHH dịch vụ y tế Xuân Mai có trách nhiệm thực hiện:

- Tổ chức thực hiện và tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật; tiếp thu đầy đủ các nội dung, yêu cầu của Giấy phép môi trường đã được cấp.

- Thực hiện nghiêm túc các giải pháp kỹ thuật phòng chống và ứng phó sự cố môi trường, chịu trách nhiệm đền bù khắc phục hậu quả và bồi thường thiệt hại do sự cố gây ra; các quy định về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy và các quy định khác có liên quan trong quá trình thực hiện Dự án. Chịu trách nhiệm sửa chữa, duy tu, xây dựng mới hoặc bồi thường trong trường hợp gây thiệt hại đến hạ tầng kỹ thuật, công trình, tài sản khác xung quanh khu vực thực hiện Dự án.

- Bố trí đủ kinh phí để thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa, ứng phó các sự cố về môi trường trong quá trình thực hiện Dự án; Định kỳ kiểm tra, duy tu bảo dưỡng các công trình bảo vệ môi trường để đảm bảo hiệu quả thu gom, xử lý.

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải tại Dự án để thu gom, xử lý toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của Dự án đảm bảo đạt cột B, QCVN 28:2010/BTNMT trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước thải chung của khu vực, đảm bảo không để hiện tượng rò rỉ, ngấm nước thải ảnh hưởng đến môi trường đất, môi trường nước, không khí khu vực.

- Quản lý thu gom và xử lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại phát sinh theo quy định tại: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ Y tế.

- Các nội dung khác: Chi tiết tại Tờ trình số 621/TTr-TNMT ngày 03/10/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường và nội dung báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường dự án.